TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Đẹp.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

Ông Nguyễn Công Danh.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 293/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Kim N, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Ấp Hòa, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Thạch B, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Khu phố Kim Định, thị trấn G, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 06 tháng 5 năm 2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị Kim N bày:

Chị Phạm Thị Kim N và anh Thạch B sau thời gian tìm hiểu đã kết hôn với nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 69 quyển số 01/2011 vào ngày 18/5/2011. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả, không có tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng

trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể chung sống cùng nhau nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị Phạm Thị Kim N và anh Thạch B có 03 con chung là Thạch Phước T, sinh ngày 09/5/2012; Thạch Minh K sinh ngày 19/5/2014 và Thạch Thị Thúy A, sinh ngày 08/8/2016. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định chị và anh B không có tài sản chung, không có nợ chung.

Bị đơn anh Thạch B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nội dung đơn khởi kiện của chị N, đã nhận được các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do chị N nộp, đã nhận Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ của Tòa án nhưng anh B vắng mặt không nộp văn bản thể hiện ý kiến, không nộp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu ly hôn của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Phạm Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Thạch B đang cư trú tại thị trấn G, huyện C, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn chị Phạm Thị Kim N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Thạch B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh B.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị Kim N thấy rằng:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 69 quyển số 01/2011 vào ngày 18/5/2011 của Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên xác định quan hệ giữa chị N và anh B là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của chị N thể hiện trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả, không có tiếng nói chung. Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh B không còn khả năng đoàn tụ, tình trạng vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh B cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị N và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án không có thiện chí hàn gắn tình cảm nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N, cho chị N và anh B ly hôn.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị Phạm Thị Kim N và anh Thạch B có 03 con chung là Thạch Phước T, sinh ngày 09/5/2012; Thạch Minh

K sinh ngày 19/5/2014 và Thạch Thị Thúy A, sinh ngày 08/8/2016. Hiện nay con chung đang sống chung với chị N và do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B cũng không có ý kiến đối với yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung của chị N. Xét thấy chị N hiện đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, con chung vẫn đảm bảo sự phát triển bình thường và cuộc sống ổn định. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định của các cháu cũng như theo nguyện vọng của các cháu muốn sống với chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng cần tiếp tục giao con chung cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Phạm Thị Kim N phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim N về việc yêu cầu ly hôn với anh Thạch B.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Kim N được ly hôn với anh Thạch B.

- Về con chung: Giao chị Phạm Thị Kim N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung là Thạch Phước T, sinh ngày 09/5/2012; Thạch Minh K sinh ngày 19/5/2014 và Thạch Thị Thúy A, sinh ngày 08/8/2016. Anh Thạch B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Thạch B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Kim N chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí do chị N nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu số 0011466 ngày 07/5/2024, chị N đã nộp xong.

3. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Nhị Bình, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Đẹp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**